

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST.

Ngày: 22-3-2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Võ Thị Thanh Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 255/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Giám đốc Chi nhánh Đắc Nông - Văn bản ủy quyền số 3270/2020/QĐ-PL ngày 26-12-2022.

Ông Nguyễn Thanh N – Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro – Văn bản ủy quyền số 36/2023/GUQ-CNĐNO ngày 07-02-2023 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Đường H, phường N, thành phố G, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1987 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn C, xã J, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1990 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Tổ H, B, xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 28-3-2019, Ngân hàng TMCP T (Chi nhánh Đắk Nông) và anh Nguyễn Văn X, chị Bùi Thị Thanh T ký kết Hợp đồng cho vay số LD1907800577, theo đó Ngân hàng cho anh X và chị T vay số tiền 380.000.000 đồng. Đã giải ngân số tiền 380.000.000 đồng cho anh X và chị T trong ngày 28-3-2019 theo Giấy nhận nợ số 01/LD1907800577. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp.

Thời hạn vay theo hợp đồng là 60 tháng, lãi suất 03 tháng đầu tiên 12,7%/năm, từ tháng thứ 4 kể từ ngày nhận nợ, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + 5%, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Trả lãi thành 05 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Gốc trả 05 kỳ theo phụ lục lịch trả nợ của Giấy nhận nợ, cụ thể:

Kỳ 1 trả 5.000.000 đồng vào ngày 28-3-2020;

Kỳ 2 trả 20.000.000 đồng vào ngày 28-3-2021;

Kỳ 3 trả 50.000.000 đồng vào ngày 28-3-2022;

Kỳ 4 trả 90.000.000 đồng vào ngày 28-3-2023;

Kỳ 5 trả 215.000.000 đồng vào ngày 28-3-2024.

Để đảm bảo tiền vay, anh X và chị T thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau viết tắt là GCNQSD) số CD 319709, thửa đất số 64, tờ bản đồ số 92, đất tọa lạc tại thôn K, xã N, huyện Đ, diện tích 14.494m²; đất được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp GCNQSD ngày 27-5-2016.

Kỳ trả nợ gốc ngày 28-3-2023 và kỳ trả lãi ngày 28-3-2023 cho đến khi Ngân hàng khởi kiện, anh X, chị T không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký kết. Ngân hàng có cử cán bộ làm việc, thỏa thuận với anh X và chị T nhiều lần về việc trả tiền nhưng không được.

Việc anh X, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh X, chị T trả số tiền nợ gốc còn lại là 305.000.000 đồng, lãi quá hạn đến ngày xét xử và lãi suất tính từ ngày xét xử đến khi trả xong. Trường hợp anh X, chị T không trả tiền hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên tài sản đảm bảo để thu hồi nợ; trường hợp không đủ thì tuyên anh X, chị T có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu.

Đối với ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn X tại phiên hòa giải, phía Ngân hàng không đồng ý về việc gia hạn thời hạn trả nợ do chị T không đến Tòa án nhân dân huyện Đắk Song làm việc. Chị T không có mặt và không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng nên các bên không thể đạt được thỏa thuận. Vì vậy, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn X trình bày:

Ngày 28-3-2019, tôi cùng chị Bùi Thanh Thanh T (đã ly hôn năm 2020), ký kết Hợp đồng cho vay tại Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Đắk Nông, vay số tiền 380.000.000 đồng, với mục đích đầu tư trồng tiêu. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 03

tháng đầu tiên là 12.7%/năm. Lãi suất từ khi vay tới nay chưa được điều chỉnh, vẫn giữ nguyên mức 12.7%/năm. Lãi trả 12 tháng/lần vào ngày 28-3 hàng năm, gốc trả thành nhiều kỳ. Tôi đã trả 03 lần nợ gốc, gồm: lần 1 trả 5.000.000 đồng; lần 2 trả 20.000.000 đồng và lần 3 trả 50.000.000 đồng. Lãi đã trả đến tháng 3 năm 2022. Tôi vi phạm kỳ trả nợ lãi vào tháng 3 năm 2023, lý do là tiêu mất mùa, không đủ tiền trả nợ. Ngân hàng có cử cán bộ vào làm việc, tôi có ký biên bản hẹn trả, nhưng do vẫn không đủ tiền nên chưa trả được nợ.

Khi ly hôn, tôi và chị T có thỏa thuận toàn bộ nợ do tôi trả, nhưng chỉ thỏa thuận miệng.

Khi vay, tôi và chị T thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ số 92; đất tọa lạc tại thôn K, xã N, huyện Đ; diện tích 14.494m²; đất trồng cây lâu năm; đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp GCNQSD số CD319709 ngày 27-5-2016. Đất và tài sản trên đất hiện một mình tôi sử dụng. Chị T đã về quê sinh sống.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T: Tôi sẽ trả sớm 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại đề nghị được gia hạn. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ, tôi đồng ý với yêu cầu của ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Bị đơn chị Bùi Thị Thanh T trình bày:

Vợ chồng tôi có vay Ngân hàng TMCP T số tiền gốc là 305.000.000 đồng. Trả theo năm gồm tiền lãi và số ít tiền gốc. Khi vay có thế chấp tài sản đảm bảo là nhà, đất do vợ chồng tôi đứng tên. Đến nay chúng tôi chưa trả được nợ cho Ngân hàng.

Tôi đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trường hợp không trả được, tôi xin thời hạn 03 tháng để cùng chồng sắp xếp bán tài sản trả nợ Ngân hàng. Nếu trong thời gian trên không bán được thì Ngân hàng thanh lý tài sản để thu hồi nợ.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có trình bày tại phiên tòa.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho vay đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên buộc anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T phải trả nợ gốc còn lại; lãi tính tới ngày xét xử sơ thẩm và lãi cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP T theo hợp đồng cho vay. Trường hợp không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm

bảo theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì anh X và chị T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T có địa chỉ tại thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng TMCP T, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét hợp đồng tín dụng:

Ngày 28-3-2019, anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T ký kết Hợp đồng cho vay số LD1907800577, vay Ngân hàng TMCP T (Chi nhánh Đắk Nông) số tiền 380.000.000 đồng; Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 03 tháng đầu tiên 12,7%/năm, từ tháng thứ 4 kể từ ngày nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi xuất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ động biên độ 5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần. Trả lãi 12 tháng/lần thành 05 kỳ, kể từ ngày nhận tiền vay; Lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn; Mục đích vay để tái sản xuất nông nghiệp; Giải ngân ngày 28-3-2019.

Gốc trả 05 kỳ theo phụ lục lịch trả nợ của Giấy nhận nợ:

Kỳ 1 trả 5.000.000 đồng vào ngày 28-3-2020;

Kỳ 2 trả 20.000.000 đồng vào ngày 28-3-2021;

Kỳ 3 trả 50.000.000 đồng vào ngày 28-3-2022;

Kỳ 4 trả 90.000.000 đồng vào ngày 28-3-2023;

Kỳ 5 trả 215.000.000 đồng vào ngày 28-3-2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh X và chị T đã trả gốc và lãi đúng hạn cho đến ngày 28-3-2022. Kỳ gốc và lãi ngày 28-3-2023 anh X và chị T vi phạm nghĩa vụ. Tổng số tiền gốc đã trả là 75.000.000 đồng, nợ gốc còn phải trả là 305.000.000 đồng. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, tại phiên hòa giải ngày 01-3-2024,

anh X đã trả được 65.000.000 đồng nợ gốc nhưng vẫn còn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ 4. Hiện tại nợ gốc anh X và chị T còn phải trả là 240.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi trả là 139.106.968 đồng; tiền lãi theo hợp đồng, lãi phạt quá hạn và lãi chậm trả lãi còn phải trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 90.984.514 đồng.

Như vậy, hợp đồng tín dụng hai bên ký kết có nội dung, hình thức phù hợp và đã phát sinh hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 398, 401 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng. Do anh X, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng TMCP T. Căn cứ Điều 282 của Bộ luật Dân sự, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, cần buộc anh X, chị T phải trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng TMCP T theo thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng cho vay số LD1907800577 ngày 28-3-2019, cụ thể:

Nợ gốc: 240.000.000 đồng.

Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả lãi đến ngày 22-3-2024: 90.984.514 đồng, trong đó lãi trên nợ gốc là 81.067.498 đồng, lãi phạt quá hạn là 6.137.579 đồng và lãi chậm trả lãi là 3.779.438 đồng.

Tổng số tiền anh X, chị T phải trả cho Ngân hàng TMCP T tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 22-3-2024 là 330.984.514 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm mười bốn đồng*).

Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 792/2016/TCGN ngày 03-6-2016 giữa bên thế chấp là anh Nguyễn Văn X, chị Bùi Thị Thanh T và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP T: Hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 342, 343, 715, 716 của Bộ luật Dân sự năm 2005; đã được công chứng ngày 03-6-2016; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày 03-6-2016 theo quy định tại Điều 717 của Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai. Đây là hợp đồng hợp pháp và đã phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ 92, đất tọa lạc tại thôn K, xã N, huyện Đ, diện tích 14.494m²; đứng tên anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CD 319709 ngày 27-5-2016 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: trên đất trồng tiêu, cà phê, cây ăn quả đều đang kinh doanh; 01 căn nhà xây cấp 4, không tô trát, mái lợp tôn, cửa sắt, nền xi măng. Nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất đang do anh Nguyễn Văn X quản lý, sử dụng. Do anh X, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ các Điều 720, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 792/2016/TCGN ngày 03-6-2016 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo vẫn không trả được hết nợ, anh X, chị T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP T.

[3]. Ngày 01-3-2024, anh Nguyễn Văn X đã trả 65.000.000 đồng vào nợ gốc, cùng ngày Ngân hàng TMCP T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền anh X đã trả. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần nợ gốc anh X đã trả, số tiền là 65.000.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T phải chịu số tiền 2.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 342, 343, 405, 715, 716, 717, 720 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 282 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T.

Buộc anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền 330.984.514 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm mười bốn đồng*) tính tới ngày xét xử sơ thẩm, ngày 22-3-2024. Trong đó nợ gốc 240.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng 81.067.498 đồng, lãi phạt quá hạn 6.137.579 đồng và lãi chậm trả lãi 3.779.438 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, anh X và chị T vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng cho vay số LD1907800577 ngày 28-3-2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ 92, đất tọa lạc tại thôn K, xã N, huyện Đ, diện tích 14.494m²; đứng tên anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CD 319709 ngày 27-5-2016 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 792/2016/TCGN ngày 03-6-2016 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo không trả được hết nợ, anh X và chị T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP T.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T đối với số tiền anh X đã trả vào nợ gốc 65.000.000 đồng ngày 01-3-2024.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T phải nộp 16.549.225 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP T 10.342.000đ (*Mười triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001460 ngày 06 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T phải chịu số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Do Ngân hàng TMCP T đã nộp tạm ứng nên anh Nguyễn Văn X và chị Bùi Thị Thanh T phải trả 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho Ngân hàng TMCP T.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện Đăk Song;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà